TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **2359**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1715/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2026 về việc "*Ly hôn*", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đặng Thị Thúy B**, sinh ngày 08/4/1988; Căn cước công dân số: 051188000628 cấp ngày 13/01/2022. Địa chỉ: Căn hộ F Chung cư A, Khu phố F, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Hoàng H**, sinh ngày 12/10/1991; Căn cước công dân số: 056091000074 cấp ngày 13/01/2022. Địa chỉ: Căn hộ F Chung cư A, Khu phố F, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 9 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đặng Thị Thúy B và ông Đặng Hoàng H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thúy B và ông Đặng Hoàng H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Thúy B và ông Đặng Hoàng H (Theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 24, đăng ký ngày 13/4/2018 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa) chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này.

2.2. Về con chung: Bà Đặng Thị Thúy B và ông Đặng Hoàng H có 01 (một) người con chung tên Đặng Khánh L (sinh ngày 03/12/2018). Giao con chung nêu trên cho bà Đặng Thị Thúy B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Ông Đặng Hoàng H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung số tiền 5.000.000đồng/tháng (*năm triệu đồng/tháng*). Phương thức cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận. Việc cấp dưỡng thực hiện từ khi Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh điều kiện chấm dứt, thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng, bà T Ba phải chịu; án phí về cấp dưỡng là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng, bà Thúy B tự nguyện chịu, tổng cộng là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Thúy B đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002267 ngày 09/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị Thúy B đã nộp đủ án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 – TP.HCM;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (Đ-Kim Anh), 15.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Danh Đời